



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 18

Ngày 01 tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 13-3-2019- Quyết định số 961/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

- 25-01-2019- Quyết định số 455/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 8 hết hiệu lực toàn bộ năm 2018. 57

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 961/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 467/TTr-SYT ngày 25 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế gồm: 15 thủ tục mới ban hành, 02 thủ tục được sửa đổi, bổ sung, 05 thủ tục thay thế và 18 thủ tục bị

bãi bỏ (trong đó có 05 thủ tục bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố liên quan đến các thủ tục: A.VII.1, A.VII.2, A.VII.3, A.VII.4, A.VII.5, A.VII.6, A.VII.7, A.VII.8, A.VII.9, A.VII.10, A.VII.11, A.VII.16, A.VIII.25, A.VIII.26, A.VIII.27, A.VIII.28, A.VIII.29, A.VIII.30, A.VIII.31, A.VIII.32 được ban hành kèm theo Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I.1 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Y tế dự phòng						
1.	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm. - Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn giải quyết theo Điều 13 Nghị định 103/2016/NĐ-CP 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.	
2.	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1).	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 	<p>1. Thời hạn giải quyết theo Điều 11 Nghị định 104/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo điểm h Khoản 3 Điều 15 Nghị định 155/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Trình tự thực hiện (Điều 11 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo điểm h Khoản 3 Điều 15 Nghị định 155/2018/NĐ-CP):</p> <p>Bước 1. Trước khi thực hiện hoạt động tiêm chủng, cơ sở tiêm chủng phải gửi văn bản thông báo đủ điều kiện tiêm chủng theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.</p>	<p>104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cho Sở Y tế nơi cơ sở tiêm chủng đặt trụ sở.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đủ điều kiện tiêm chủng, Sở Y tế phải đăng tải thông tin về tên, địa chỉ, người đứng đầu cơ sở đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế (thời điểm tính ngày phải công bố thông tin được xác định theo dấu công văn đến của Sở Y tế).</p> <p>3. Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính thực hiện (Điều 9, Điều 10 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 14, Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 3 Điều 15</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Nghị định 155/2018/NĐ-CP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện đối với cơ sở tiêm chủng cố định <p>1. Cơ sở vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khu vực tiêm chủng phải bảo đảm che được mưa, nắng, kín gió, thông thoáng và bố trí theo nguyên tắc một chiều từ đón tiếp, hướng dẫn, tư vấn, khám sàng lọc, thực hiện tiêm chủng, theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng. <p>2. Trang thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tủ lạnh, phích vắc xin hoặc hòm lạnh, các thiết bị theo dõi nhiệt độ tại nơi bảo quản và trong quá trình vận chuyển vắc xin; b) Có hộp chống sốc, phác đồ chống sốc treo tại nơi theo dõi, xử trí phản ứng sau tiêm chủng theo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;</p> <p>3. Nhân sự:</p> <p>a) Số lượng: Có tối thiểu 03 nhân viên chuyên ngành y, trong đó có ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên; đối với cơ sở tiêm chủng tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn phải có tối thiểu 02 nhân viên có trình độ từ trung cấp chuyên ngành y trở lên, trong đó có ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên;</p> <p>b) Nhân viên y tế tham gia hoạt động tiêm chủng phải được tập huấn chuyên môn về tiêm chủng. Nhân viên trực tiếp khám sàng lọc, tư vấn, theo dõi, xử trí phản ứng sau tiêm chủng phải</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>có trình độ chuyên môn từ y sỹ trở lên; nhân viên thực hành tiêm chủng có trình độ từ trung cấp Y học hoặc trung cấp Điều dưỡng - Hộ sinh trở lên.</p> <p>- Điều kiện đối với điểm tiêm chủng lưu động</p> <p>1. Việc tiêm chủng tại nhà chỉ được thực hiện tại các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Chỉ áp dụng đối với hoạt động tiêm chủng thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch;</p> <p>b) Có phích vắc xin và hộp chống sốc theo quy định của Bộ trưởng Y tế.</p> <p>c) Nhân sự bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>2. Điều kiện đối với điểm tiêm chủng lưu động khác:</p> <p>a) Phải do cơ sở tiêm chủng đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng quy định tại Điều 11 Nghị định 104/2016/NĐ-CP thực hiện;</p> <p>b) Cơ sở vật chất: Bố trí theo nguyên tắc một chiều từ đón tiếp, hướng dẫn, tư vấn, khám sàng lọc, thực hiện tiêm chủng, theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng.</p> <p>c) Trang thiết bị: Có phích vắc xin hoặc hòm lạnh và hộp chống sốc theo quy định của Bộ trưởng Y tế.</p> <p>d) Nhân sự: Có tối thiểu 02 nhân viên chuyên ngành y đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						số 104/2016/NĐ-CP. 4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
3.	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng.	15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Sở Y tế (địa chỉ: số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1).	Không	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016. - Quyết định số 1273/QĐ-BYT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.	Thời hạn giải quyết thực hiện theo Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP.
4.	Công bố đủ	Ngay khi	Sở Y tế	Không	- Luật số 64/2006/QH11 ngày	Thời hạn giải quyết theo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.	tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	(địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)		<p>29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);</p> <p>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p>	Khoản 1 Điều 15 Nghị định 90/2016/NĐ-CP
5.	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa	Ngày khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)	Không	<p>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);</p> <p>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị</p>	Thời hạn giải quyết theo Khoản 1 Điều 16 Nghị định 90/2016/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự .				<p>nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p>	
6.	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất .	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)	Không	<p>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);</p> <p>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP</p>	Thời hạn giải quyết theo Khoản 1 Điều 17 Nghị định 90/2016/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	
7.	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị đình chỉ.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. - Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn giải quyết theo Điều 18 Nghị định 90/2016/NĐ-CP - Tên thủ tục hành chính thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 90/2016/NĐ-CP
8.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ đầy	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường	300.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 	1. Phí, lệ phí: thực hiện theo Mục I.6 – Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	đủ hợp lệ	Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)		<p>năm 2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế. 	<p>(Ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC)</p> <p>2. Thời hạn giải quyết theo Điều 8 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 8, Khoản 2 Điều 9 Nghị định 155/2018/NĐ-CP:</p> <p>a. Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất chế phẩm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ;</p> <p>b. Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ;</p> <p>c. Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng, kho. Trường hợp sản xuất hóa chất thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Quyết định 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.</p>	<p>danh mục hóa chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật về hóa chất;</p> <p>- Danh mục trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất và ứng cứu sự cố hóa chất;</p> <p>(Yêu cầu đối với hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất:</p> <p>a. Hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất làm thành 01 bộ bản giấy kèm theo bản điện tử định dạng PDF;</p> <p>b. Các tài liệu trong hồ sơ phải được in rõ ràng, sắp xếp theo trình tự theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ; giữa các phần có phân cách, có trang bìa và danh mục tài liệu;</p> <p>c. Giấy tờ quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>này phải có xác nhận của cơ sở sản xuất.)</p> <p>4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 Nghị định 155/2018/NĐ-CP:</p> <p>- Điều kiện về nhân sự: Có ít nhất 01 người chuyên trách về an toàn hóa chất đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a. Có trình độ từ trung cấp về hóa học trở lên;</p> <p>b. Là người làm việc toàn thời gian tại cơ sở sản xuất.</p> <p>- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị:</p> <p>+ Đáp ứng các yêu cầu tại Mục 1 Chương II Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.</p> <p>+ Có phòng kiểm nghiệm kiểm nghiệm được thành phần và hàm lượng hoạt chất của chế phẩm do cơ sở sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất không có phòng kiểm nghiệm thì phải có hợp đồng thuê cơ sở kiểm nghiệm có đủ năng lực theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.</p> <p>5. Tên thủ tục hành chính thực hiện theo Điều 41 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP</p>
9.	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận	300.000 đồng/hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; 	<p>1. Phí, lệ phí: thực hiện theo Mục I.6 – Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC</i>)</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	gia dụng và y tế bằng chế phẩm.		1)		<ul style="list-style-type: none"> - Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 155/208/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử 	<ul style="list-style-type: none"> 2. Thời hạn giải quyết thực hiện theo Điều 43 Nghị định 91/2016/NĐ-CP. 3. Thành phần hồ sơ thực hiện theo Điều 42 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Khoản 10 Điều 8, Khoản 13 Điều 9 Nghị định 155/2018/NĐ-CP: - Văn bản công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. - Danh sách người được tập huấn kiến thức có xác nhận của chủ cơ sở. 4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo Điều 41 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP, Khoản 9

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>dụng phí trong lĩnh vực y tế;</p> <p>- Quyết định 4508/QĐ-BYT ngày 22/8/2016 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.</p>	<p>Điều 8, Khoản 12 Điều 9 Nghị định 155/2018/NĐ-CP:</p> <p>- Người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn phải Người trực tiếp thực hiện diệt côn trùng, diệt khuẩn phải được tập huấn kiến thức sau và được chủ cơ sở xác nhận đã được tập huấn về:</p> <p>a) Cách đọc thông tin trên nhãn chế phẩm;</p> <p>b) Kỹ thuật diệt côn trùng, diệt khuẩn phù hợp với dịch vụ mà cơ sở cung cấp;</p> <p>c) Sử dụng và thải bỏ an toàn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.</p> <p>- Hoàn thành việc công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm quy định tại Điều 43 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10.	Công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Y tế công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trên cổng thông tin điện tử của Sở Y tế. Trường hợp không bảo đảm điều kiện thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sở Y tế (địa chỉ: số 59, đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015. - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 7540/QĐ-BYT ngày 28/12/2016 của Bộ Y tế về việc công bố một số thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP. 2. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Khoản 17, 18, 19 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP: Tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động bảo đảm điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ quan trắc môi trường lao động. 2. Có đủ nhân lực thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động như sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Người trực tiếp phụ trách quan trắc môi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>sinh lao động và quan trắc môi trường lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>	<p>trường lao động có trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực y tế, môi trường, hóa sinh; - Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường lao động hoặc 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y học dự phòng. - Có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động. <p>b) Có ít nhất 05 người làm việc theo hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn có trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên thuộc các lĩnh vực y tế, môi trường, hóa sinh; - Có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>động.</p> <p>3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất và năng lực bảo đảm yêu cầu tối thiểu như sau:</p> <p>a) Quan trắc yếu tố có hại trong môi trường lao động</p> <p>Đảm bảo thực hiện được tối thiểu 70% yếu tố sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm các yếu tố vi khí hậu, bao gồm: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió và bức xạ nhiệt; - Đo, thử nghiệm, phân tích tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm yếu tố vật lý, bao gồm: ánh sáng, tiếng ồn, rung theo giải tần, phóng xạ, điện từ trường, bức xạ tử ngoại; - Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp, bao gồm: yếu tố vi sinh vật, gây dị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ứng, mãn cảm, dung môi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my: Đánh giá gánh nặng lao động thể lực; đánh giá căng thẳng thần kinh tâm lý; đánh giá Ec-gô-nô-my vị trí lao động; - Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của bụi hạt, phân tích hàm lượng silic trong bụi, bụi kim loại, bụi than, bụi talc, bụi bông và bụi amiăng; - Lấy mẫu, bảo quản, đo, thử nghiệm tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm của các yếu tố hóa học tối thiểu bao gồm NO_x, SO_x, CO, CO₂, dung môi hữu cơ (benzen và đồng đẳng - toluen, xylen), thủy ngân, asen, TNT, nicotin, hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>chất trừ sâu.</p> <p>b) Có kế hoạch và quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không quy định;</p> <p>c) Có quy trình sử dụng, vận hành thiết bị lấy và bảo quản mẫu, đo, thử nghiệm và phân tích môi trường lao động.</p> <p>d) Có trụ sở làm việc, đủ diện tích để bảo đảm chất lượng công tác quan trắc môi trường lao động, điều kiện phòng thí nghiệm phải đạt yêu cầu về chất lượng trong bảo quản, xử lý, phân tích mẫu;</p> <p>đ) Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						nhân khi thực hiện quan trắc môi trường lao động; e) Có biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn sinh học, an toàn hóa học và tuân thủ nghiêm ngặt việc thu gom, vận chuyển bảo quản và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

I.2 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
Lĩnh vực Y tế dự phòng						
1.	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người có tiền sử nghiện chất dạng thuốc phiện trong các	Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của đối tượng quản lý.	Cơ sở quản lý thực hiện việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay	Không	- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
	cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.		thể.		<p>phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p>	
2.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý.	Ngay sau khi nhận được hồ sơ.	Cơ sở quản lý thực hiện việc điều trị nghiện dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	Không	<p>- Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.</p> <p>- Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công</p>	<p>Kết quả thực hiện: Bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (Khoản 4</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
					bổ thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	Điều 9 – NĐ số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)
3.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý.	Ngay sau khi nhận được hồ sơ.	Cơ sở quản lý thực hiện việc điều trị nghiện dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. - Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng 	<p>Kết quả thực hiện: Bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (Khoản 5 Điều 9 – NĐ số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
					thuốc thay thế.	
4.	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh.	Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh.	Cơ sở điều trị Methadone	Không	- Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone - Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.	Kết quả thực hiện: Theo Khoản 2 Điều 15 TT 14/2015: - Giấy giới thiệu của cơ sở điều trị Methadone hoặc cơ sở cấp phát thuốc Methadone; - Đơn thuốc Methadone; - Phiếu theo dõi điều trị Methadone của người bệnh.
5.	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại	Ngay sau khi tiếp nhận đơn đề nghị uống thuốc Methadone tại nhà của người bệnh	Cơ sở điều trị Methadone	Không	- Thông tư số 14/2015/TT-BYT ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quản lý thuốc Methadone	Kết quả thực hiện theo khoản 4 Điều 15 TT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
	nhà.				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 4308/QĐ-BYT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. 	<p>14/2015:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy giới thiệu của cơ sở điều trị Methadone hoặc cơ sở cấp phát thuốc Methadone; - Đơn thuốc Methadone; - Phiếu theo dõi điều trị Methadone của người bệnh.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CÁC CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực Y tế dự phòng				
1.	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng.	Ngay sau khi nhận được Đơn đăng ký của đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. - Quyết định số 7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
2.	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng	Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài	- Trung tâm Kiểm	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực Y tế dự phòng				
	quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh.	<p>dịch y tế quốc tế (40 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh),</p> <p>- Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố (699 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Hồ Chí Minh).</p>	<p>240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập (Mức thu không bao gồm tiền vắc xin, thuốc, khẩu trang):</p> <p>- Mức tối đa Tiêm chủng vắc xin Sốt vàng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế: 8 USD/lần.</p> <p>- Mức tối đa Tiêm chủng (gồm vắc xin đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cấp lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế): 85.000 đồng/lần</p>	<p>Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập;</p> <p>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CÁC CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Y tế dự phòng						
1.	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng.	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	Cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. - Quyết định số 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					7678/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.	
2.	Kèm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 15 phút kể từ	- Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế (40 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Phú	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:	- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú																												
		<p>khi nộp đủ các loại giấy tờ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút 	<p>Nhuận, Hồ Chí Minh),</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố (699 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Hồ Chí Minh). 	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="4" data-bbox="943 304 1550 379">Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt</th> </tr> <tr> <th data-bbox="943 379 972 448">T</th> <th data-bbox="972 379 1238 448">Danh mục</th> <th data-bbox="1238 379 1406 448">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1406 379 1550 448">Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 448 972 491">1</td> <td data-bbox="972 448 1238 491">Kiểm tra Y tế đối với thi thể</td> <td data-bbox="1238 448 1406 491">USD/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1406 448 1550 491">20</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 491 972 534">2</td> <td data-bbox="972 491 1238 534">Kiểm tra y tế đối với hài cốt</td> <td data-bbox="1238 491 1406 534">USD/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1406 491 1550 534">7</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 534 972 577">3</td> <td data-bbox="972 534 1238 577">Kiểm tra y tế đối với tro cốt</td> <td data-bbox="1238 534 1406 577">USD/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1406 534 1550 577">5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 577 972 620">4</td> <td data-bbox="972 577 1238 620">Xử lý vệ sinh thi thể</td> <td data-bbox="1238 577 1406 620">USD/lần xử lý</td> <td data-bbox="1406 577 1550 620">40</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 620 972 663">5</td> <td data-bbox="972 620 1238 663">Xử lý vệ sinh hài cốt</td> <td data-bbox="1238 620 1406 663">USD/lần xử lý</td> <td data-bbox="1406 620 1550 663">14</td> </tr> </tbody> </table>	Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt				T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra Y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20	2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7	3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5	4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40	5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới; - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập; - Quyết định số 	
Kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt																																		
T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																															
1	Kiểm tra Y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20																															
2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7																															
3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5																															
4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40																															
5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14																															

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>			<p>4921/QĐ-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>	
3.	<p>Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ</p>	<p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh</p>	<p>- Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế (40 Nguyễn Văn Trỗi, Phường</p>	<p>Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người: Mức tối đa: 6.5 USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận</p>	<p>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;</p>	<p>1. Trình tự thực hiện/Bước 2- Thu thập thông tin: thực hiện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phận cơ thể người	<p>học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y</p>	<p>15, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh),</p> <p>- Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố (699 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Hồ Chí Minh).</p>		<p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;</p> <p>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y</p>	<p>theo Điểm 1, Khoản 2, Điều 15 Nghị định 155/2018/NĐ-CP:</p> <p>a) Giấy khai báo y tế đối với sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người nhập khẩu nhằm mục đích dự phòng, nghiên cứu, chẩn đoán, chữa bệnh;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn</p>			<p>tế; - Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập; - Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản</p>	<p>b) Giấy khai báo y tế và giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế đối với mẫu máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, phân, dịch tiết cơ thể người, các mẫu khác từ người có chứa hoặc có khả năng chứa tác nhân gây</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.			lý của Bộ Y tế.	<p>bệnh truyền nhiễm cho người, các chủng vi sinh vật, mẫu có chứa vi sinh vật có khả năng gây bệnh cho người nhập khẩu nhằm mục đích dự phòng, nghiên cứu, chẩn đoán, chữa bệnh.</p> <p>2. Thành phần hồ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>sơ thực hiện theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định 155/2018/NĐ-CP:</p> <p>a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 25 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao quyết định phê duyệt của cơ quan</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>có thẩm quyền cho phép thực hiện đề tài hoặc dự án nghiên cứu còn hiệu lực hoặc bản sao đề cương đề tài hoặc văn kiện dự án đã được phê duyệt hoặc bản sao văn bản thỏa thuận còn hiệu lực hoặc tài liệu có liên quan giữa các</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						cơ sở trong nước và ngoài về việc nhập khẩu mẫu bệnh phẩm; c) Bản sao bản tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học đối với cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp I, II hoặc Giấy chứng nhận cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú																
						sở xét nghiệm đạt an toàn sinh học đối với cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III.																
4.	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	- Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ, đường hàng không; 02 giờ đối với phương tiện đường sắt,	- Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế (40 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh), - Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố	<p>Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:</p> <table border="1" data-bbox="920 1018 1525 1401"> <thead> <tr> <th data-bbox="920 1018 1279 1086">T</th> <th data-bbox="1279 1018 1413 1086">Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh</th> <th data-bbox="1413 1018 1525 1086">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1525 1018 1615 1086">Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="920 1086 1279 1155">1</td> <td data-bbox="1279 1086 1413 1155">Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý/ xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)</td> <td data-bbox="1413 1086 1525 1155">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1525 1086 1615 1155">130</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1155 1279 1230">2</td> <td data-bbox="1279 1155 1413 1230">Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)</td> <td data-bbox="1413 1155 1525 1230">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1525 1155 1615 1230">65</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1230 1279 1401">3</td> <td data-bbox="1279 1230 1413 1401">Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT</td> <td data-bbox="1413 1230 1525 1401">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1525 1230 1615 1401">95</td> </tr> </tbody> </table>	T	Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý/ xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	130	2	Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	65	3	Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT	USD/lần/tàu	95	<p>- Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số</p>	
T	Kiểm dịch y tế phương tiện xuất, nhập, quá cảnh	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																			
1	Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý/ xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	130																			
2	Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	65																			
3	Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT	USD/lần/tàu	95																			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Ghi chú																												
		<p>đường thủy.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường hàng không: 02 giờ đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy. Trường hợp quá thời</p>	(699 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Hồ Chí Minh).	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="920 300 1279 368">Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên</td> <td data-bbox="1279 300 1413 368">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1413 300 1525 368">110</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 368 1279 464">Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT</td> <td data-bbox="1279 368 1413 464">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1413 368 1525 464">26</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 464 1279 560">Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên</td> <td data-bbox="1279 464 1413 560">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1413 464 1525 560">39</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 560 1279 624">Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi</td> <td data-bbox="1279 560 1413 624">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1413 560 1525 624">18</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 624 1279 687">Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên</td> <td data-bbox="1279 624 1413 687">USD/lần/tàu</td> <td data-bbox="1413 624 1525 687">75</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 687 1279 735">5 Tàu bay các loại</td> <td data-bbox="1279 687 1413 735">USD/tàu</td> <td data-bbox="1413 687 1525 735">25</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 735 1279 799">6 Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)</td> <td data-bbox="1279 735 1413 799">đồng/toa</td> <td data-bbox="1413 735 1525 799">50.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 799 1279 895">7 Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới</td> <td data-bbox="1279 799 1413 895">đồng/lần/phương tiện</td> <td data-bbox="1413 799 1525 895">35.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 895 1279 1023">8 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên</td> <td data-bbox="1279 895 1413 1023">đồng/lần/xe</td> <td data-bbox="1413 895 1525 1023">35.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1023 1279 1118">9 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn</td> <td data-bbox="1279 1023 1413 1118">đồng/lần/xe</td> <td data-bbox="1413 1023 1525 1118">25.000</td> </tr> </table>	Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	110	Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT	USD/lần/tàu	26	Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	39	Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi	USD/lần/tàu	18	Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên	USD/lần/tàu	75	5 Tàu bay các loại	USD/tàu	25	6 Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	50.000	7 Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới	đồng/lần/phương tiện	35.000	8 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên	đồng/lần/xe	35.000	9 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn	đồng/lần/xe	25.000	<p>điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập;</p> <p>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban</p>	
Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	110																																		
Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT	USD/lần/tàu	26																																		
Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	39																																		
Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi	USD/lần/tàu	18																																		
Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên	USD/lần/tàu	75																																		
5 Tàu bay các loại	USD/tàu	25																																		
6 Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	50.000																																		
7 Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới	đồng/lần/phương tiện	35.000																																		
8 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên	đồng/lần/xe	35.000																																		
9 Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn	đồng/lần/xe	25.000																																		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Ghi chú																																																																		
		<p>gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ.</p> <p>- Thời gian cấp giấy chứng nhận</p>		<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="922 306 949 370">T</th> <th data-bbox="949 306 1279 370">Đanh mục</th> <th data-bbox="1279 306 1413 370">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1413 306 1525 370">Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="922 370 949 418">I</td> <td data-bbox="949 370 1279 418">Diệt chuột</td> <td data-bbox="1279 370 1413 418"></td> <td data-bbox="1413 370 1525 418"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 418 949 481">1</td> <td data-bbox="949 418 1279 481">Diệt chuột bằng xông hơi hóa chất</td> <td data-bbox="1279 418 1413 481">USD/m³ khoang tàu</td> <td data-bbox="1413 418 1525 481">0.90</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 481 949 529">II</td> <td data-bbox="949 481 1279 529">Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)</td> <td data-bbox="1279 481 1413 529"></td> <td data-bbox="1413 481 1525 529"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 529 949 593">1</td> <td data-bbox="949 529 1279 593">Tàu bay chờ người dưới 300 chỗ ngồi</td> <td data-bbox="1279 529 1413 593">USD/tàu bay</td> <td data-bbox="1413 529 1525 593">45</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 593 949 657">2</td> <td data-bbox="949 593 1279 657">Tàu bay chờ người từ 300 chỗ ngồi trở lên</td> <td data-bbox="1279 593 1413 657">USD/tàu bay</td> <td data-bbox="1413 593 1525 657">65</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 657 949 721">3</td> <td data-bbox="949 657 1279 721">Tàu bay chờ hàng hóa các loại</td> <td data-bbox="1279 657 1413 721">USD/tàu bay</td> <td data-bbox="1413 657 1525 721">35</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 721 949 817">4</td> <td data-bbox="949 721 1279 817">Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)</td> <td data-bbox="1279 721 1413 817">đồng/phương tiện</td> <td data-bbox="1413 721 1525 817">65.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 817 949 912">5</td> <td data-bbox="949 817 1279 912">Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)</td> <td data-bbox="1279 817 1413 912">đồng/Phương tiện</td> <td data-bbox="1413 817 1525 912">21.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 912 949 976">6</td> <td data-bbox="949 912 1279 976">Tàu hỏa (Đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)</td> <td data-bbox="1279 912 1413 976">đồng/toa</td> <td data-bbox="1413 912 1525 976">130.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 976 949 1040">7</td> <td data-bbox="949 976 1279 1040">Tàu biển các loại</td> <td data-bbox="1279 976 1413 1040">USD/m³khoan g tàu</td> <td data-bbox="1413 976 1525 1040">0,42</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1040 949 1136">8</td> <td data-bbox="949 1040 1279 1136">Tàu thuyền các loại (gồm tàu chờ người, chờ hàng, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy)</td> <td data-bbox="1279 1040 1413 1136">đồng/phương tiện</td> <td data-bbox="1413 1040 1525 1136">35.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1136 949 1200">9</td> <td data-bbox="949 1136 1279 1200">Kho hàng</td> <td data-bbox="1279 1136 1413 1200">USD/m³kho hàng</td> <td data-bbox="1413 1136 1525 1200">0,14</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1200 949 1264">10</td> <td data-bbox="949 1200 1279 1264">Container 40 fit</td> <td data-bbox="1279 1200 1413 1264">USD/container</td> <td data-bbox="1413 1200 1525 1264">28</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1264 949 1327">11</td> <td data-bbox="949 1264 1279 1327">Container 20 fit</td> <td data-bbox="1279 1264 1413 1327">USD/container</td> <td data-bbox="1413 1264 1525 1327">14</td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1327 949 1375">III</td> <td data-bbox="949 1327 1279 1375">Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)</td> <td data-bbox="1279 1327 1413 1375"></td> <td data-bbox="1413 1327 1525 1375"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="922 1375 949 1423">1</td> <td data-bbox="949 1375 1279 1423">Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa dưới 1000 tấn</td> <td data-bbox="1279 1375 1413 1423">USD/tàu</td> <td data-bbox="1413 1375 1525 1423">40</td> </tr> </tbody> </table>	T	Đanh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	I	Diệt chuột			1	Diệt chuột bằng xông hơi hóa chất	USD/m ³ khoang tàu	0.90	II	Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			1	Tàu bay chờ người dưới 300 chỗ ngồi	USD/tàu bay	45	2	Tàu bay chờ người từ 300 chỗ ngồi trở lên	USD/tàu bay	65	3	Tàu bay chờ hàng hóa các loại	USD/tàu bay	35	4	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	65.000	5	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/Phương tiện	21.000	6	Tàu hỏa (Đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	130.000	7	Tàu biển các loại	USD/m ³ khoan g tàu	0,42	8	Tàu thuyền các loại (gồm tàu chờ người, chờ hàng, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy)	đồng/phương tiện	35.000	9	Kho hàng	USD/m ³ kho hàng	0,14	10	Container 40 fit	USD/container	28	11	Container 20 fit	USD/container	14	III	Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)			1	Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa dưới 1000 tấn	USD/tàu	40	hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.	
T	Đanh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																																																							
I	Diệt chuột																																																																									
1	Diệt chuột bằng xông hơi hóa chất	USD/m ³ khoang tàu	0.90																																																																							
II	Diệt côn trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)																																																																									
1	Tàu bay chờ người dưới 300 chỗ ngồi	USD/tàu bay	45																																																																							
2	Tàu bay chờ người từ 300 chỗ ngồi trở lên	USD/tàu bay	65																																																																							
3	Tàu bay chờ hàng hóa các loại	USD/tàu bay	35																																																																							
4	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	65.000																																																																							
5	Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/Phương tiện	21.000																																																																							
6	Tàu hỏa (Đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	130.000																																																																							
7	Tàu biển các loại	USD/m ³ khoan g tàu	0,42																																																																							
8	Tàu thuyền các loại (gồm tàu chờ người, chờ hàng, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy)	đồng/phương tiện	35.000																																																																							
9	Kho hàng	USD/m ³ kho hàng	0,14																																																																							
10	Container 40 fit	USD/container	28																																																																							
11	Container 20 fit	USD/container	14																																																																							
III	Khử trùng (Không bao gồm tiền hóa chất)																																																																									
1	Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa dưới 1000 tấn	USD/tàu	40																																																																							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí			Căn cứ pháp lý	Ghi chú																														
		<p>miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế:</p> <p>+ Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa, một tàu bay;</p> <p>+ Không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu</p>		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="920 309 1279 368">1</td> <td data-bbox="1279 309 1413 368">Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa từ 1000 tấn trở lên</td> <td data-bbox="1413 309 1525 368">USD/tàu</td> <td data-bbox="1525 309 1559 368">65</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 368 1279 432">2</td> <td data-bbox="1279 368 1413 432">Tàu thuyền các loại</td> <td data-bbox="1413 368 1525 432">USD/m²diện tích khử trùng</td> <td data-bbox="1525 368 1559 432">0,5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 432 1279 496">3</td> <td data-bbox="1279 432 1413 496">Tàu bay các loại</td> <td data-bbox="1413 432 1525 496">USD/m²diện tích khử trùng</td> <td data-bbox="1525 432 1559 496">0,5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 496 1279 560">4</td> <td data-bbox="1279 496 1413 560">Kho hàng, container các loại</td> <td data-bbox="1413 496 1525 560">USD/m²diện tích khử trùng</td> <td data-bbox="1525 496 1559 560">0,4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 560 1279 624">5</td> <td data-bbox="1279 560 1413 624">Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)</td> <td data-bbox="1413 560 1525 624">đồng/toa</td> <td data-bbox="1525 560 1559 624">70.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 624 1279 687">6</td> <td data-bbox="1279 624 1413 687">Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn</td> <td data-bbox="1413 624 1525 687">đồng/phương tiện</td> <td data-bbox="1525 624 1559 687">55.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 687 1279 815">7</td> <td data-bbox="1279 687 1413 815">Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)</td> <td data-bbox="1413 687 1525 815">đồng/phương tiện</td> <td data-bbox="1525 687 1559 815">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 815 1279 927">8</td> <td data-bbox="1279 815 1413 927">Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)</td> <td data-bbox="1413 815 1525 927">đồng/phương tiện</td> <td data-bbox="1525 815 1559 927">25.000</td> </tr> </table>	1	Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa từ 1000 tấn trở lên	USD/tàu	65	2	Tàu thuyền các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,5	3	Tàu bay các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,5	4	Kho hàng, container các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,4	5	Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	70.000	6	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn	đồng/phương tiện	55.000	7	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	40.000	8	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	25.000		
1	Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa từ 1000 tấn trở lên	USD/tàu	65																																			
2	Tàu thuyền các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,5																																			
3	Tàu bay các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,5																																			
4	Kho hàng, container các loại	USD/m ² diện tích khử trùng	0,4																																			
5	Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	70.000																																			
6	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn	đồng/phương tiện	55.000																																			
7	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	40.000																																			
8	Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)	đồng/phương tiện	25.000																																			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế.</p> <p>+ Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột.</p> <p>+ Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế</p>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa hoặc một tàu bay; không quá 04 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</p>				
5.	Kiểm dịch y tế đối với	- Thời gian hoàn thành	- Trung tâm Kiểm	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của	- Luật số 03/2007/QH12	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú																																			
	hàng hóa	<p>việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút.</p> <p>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối</p>	<p>dịch y tế quốc tế (40 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh),</p> <p>- Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố (699 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Hồ Chí Minh).</p>	<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập:</p> <table border="1" data-bbox="920 488 1525 1150"> <thead> <tr> <th data-bbox="920 488 1279 608">Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện</th> <th data-bbox="1279 488 1413 608">Theo lô, toa, kiện</th> <th data-bbox="1413 488 1525 608"></th> </tr> <tr> <th data-bbox="920 608 1279 679">T</th> <th data-bbox="1279 608 1413 679">Danh mục</th> <th data-bbox="1413 608 1525 679">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1525 608 1615 679">Mức giá tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="920 679 1279 735">1</td> <td data-bbox="1279 679 1413 735">Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg</td> <td data-bbox="1413 679 1525 735">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 679 1615 735">1,4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 735 1279 807">2</td> <td data-bbox="1279 735 1413 807">Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg</td> <td data-bbox="1413 735 1525 807">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 735 1615 807">4</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 807 1279 879">3</td> <td data-bbox="1279 807 1413 879">Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg</td> <td data-bbox="1413 807 1525 879">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 807 1615 879">6</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 879 1279 951">4</td> <td data-bbox="1279 879 1413 951">Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn</td> <td data-bbox="1413 879 1525 951">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 879 1615 951">13</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 951 1279 1023">5</td> <td data-bbox="1279 951 1413 1023">Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn</td> <td data-bbox="1413 951 1525 1023">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 951 1615 1023">39</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1023 1279 1094">6</td> <td data-bbox="1279 1023 1413 1094">Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn</td> <td data-bbox="1413 1023 1525 1094">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 1023 1615 1094">90</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1094 1279 1150">7</td> <td data-bbox="1279 1094 1413 1150">Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn</td> <td data-bbox="1413 1094 1525 1150">USD/ lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1525 1094 1615 1150">100</td> </tr> </tbody> </table>	Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện	Theo lô, toa, kiện		T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	1	Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg	USD/ lần kiểm tra	1,4	2	Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg	USD/ lần kiểm tra	4	3	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg	USD/ lần kiểm tra	6	4	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn	USD/ lần kiểm tra	13	5	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn	USD/ lần kiểm tra	39	6	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	90	7	Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	100	<p>ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;</p> <p>- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;</p> <p>- Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm</p>	
Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện	Theo lô, toa, kiện																																								
T	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa																																						
1	Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg	USD/ lần kiểm tra	1,4																																						
2	Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg	USD/ lần kiểm tra	4																																						
3	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg	USD/ lần kiểm tra	6																																						
4	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn	USD/ lần kiểm tra	13																																						
5	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn	USD/ lần kiểm tra	39																																						
6	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	90																																						
7	Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	100																																						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú																																																
		<p>với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p> <p>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế</p>		<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="920 355 943 496">T</th> <th data-bbox="943 355 1279 496">Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ</th> <th data-bbox="1279 355 1413 496">Theo kiện, xe, hàng hóa rời, khuôn, vác</th> <th data-bbox="1413 355 1525 496">Mức giá tối đa</th> </tr> <tr> <th data-bbox="920 496 943 512">T</th> <th data-bbox="943 496 1279 512">Danh mục</th> <th data-bbox="1279 496 1413 512">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1413 496 1525 512"></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="920 512 943 576">1</td> <td data-bbox="943 512 1279 576">Dưới 5 tấn</td> <td data-bbox="1279 512 1413 576">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 512 1525 576">35.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 576 943 639">2</td> <td data-bbox="943 576 1279 639">Từ 5 tấn đến 10 tấn</td> <td data-bbox="1279 576 1413 639">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 576 1525 639">50.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 639 943 703">3</td> <td data-bbox="943 639 1279 703">Từ trên 10 tấn đến 15 tấn</td> <td data-bbox="1279 639 1413 703">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 639 1525 703">60.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 703 943 767">4</td> <td data-bbox="943 703 1279 767">Từ trên 15 tấn đến 30 tấn</td> <td data-bbox="1279 703 1413 767">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 703 1525 767">75.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 767 943 831">5</td> <td data-bbox="943 767 1279 831">Từ trên 30 tấn đến 60 tấn</td> <td data-bbox="1279 767 1413 831">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 767 1525 831">80.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 831 943 895">6</td> <td data-bbox="943 831 1279 895">Từ trên 60 tấn 100 tấn</td> <td data-bbox="1279 831 1413 895">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 831 1525 895">110.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 895 943 959">7</td> <td data-bbox="943 895 1279 959">Từ trên 100 tấn</td> <td data-bbox="1279 895 1413 959">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 895 1525 959">140.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 959 943 1023">8</td> <td data-bbox="943 959 1279 1023">Lô/kiện dưới 10kg</td> <td data-bbox="1279 959 1413 1023">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 959 1525 1023">7.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1023 943 1086">9</td> <td data-bbox="943 1023 1279 1086">Lô/kiện từ 10kg đến 100kg</td> <td data-bbox="1279 1023 1413 1086">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 1023 1525 1086">15.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 1086 943 1150">10</td> <td data-bbox="943 1086 1279 1150">Lô/kiện trên 100kg</td> <td data-bbox="1279 1086 1413 1150">đồng/lần kiểm tra</td> <td data-bbox="1413 1086 1525 1150">20.000</td> </tr> </tbody> </table>	T	Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ	Theo kiện, xe, hàng hóa rời, khuôn, vác	Mức giá tối đa	T	Danh mục	Đơn vị tính		1	Dưới 5 tấn	đồng/lần kiểm tra	35.000	2	Từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần kiểm tra	50.000	3	Từ trên 10 tấn đến 15 tấn	đồng/lần kiểm tra	60.000	4	Từ trên 15 tấn đến 30 tấn	đồng/lần kiểm tra	75.000	5	Từ trên 30 tấn đến 60 tấn	đồng/lần kiểm tra	80.000	6	Từ trên 60 tấn 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	110.000	7	Từ trên 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	140.000	8	Lô/kiện dưới 10kg	đồng/lần kiểm tra	7.000	9	Lô/kiện từ 10kg đến 100kg	đồng/lần kiểm tra	15.000	10	Lô/kiện trên 100kg	đồng/lần kiểm tra	20.000	<p>dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở Y tế công lập;</p> <p>- Quyết định số 4921/QĐ-BYT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>	
T	Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ	Theo kiện, xe, hàng hóa rời, khuôn, vác	Mức giá tối đa																																																			
T	Danh mục	Đơn vị tính																																																				
1	Dưới 5 tấn	đồng/lần kiểm tra	35.000																																																			
2	Từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần kiểm tra	50.000																																																			
3	Từ trên 10 tấn đến 15 tấn	đồng/lần kiểm tra	60.000																																																			
4	Từ trên 15 tấn đến 30 tấn	đồng/lần kiểm tra	75.000																																																			
5	Từ trên 30 tấn đến 60 tấn	đồng/lần kiểm tra	80.000																																																			
6	Từ trên 60 tấn 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	110.000																																																			
7	Từ trên 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	140.000																																																			
8	Lô/kiện dưới 10kg	đồng/lần kiểm tra	7.000																																																			
9	Lô/kiện từ 10kg đến 100kg	đồng/lần kiểm tra	15.000																																																			
10	Lô/kiện trên 100kg	đồng/lần kiểm tra	20.000																																																			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.				

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC/ Tên TTHC thay thế
Lĩnh vực Y tế dự phòng			
1.	T-HCM-271414-TT	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.
2.	T-HCM-271415-TT	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.
3.	T-HCM-271416-TT	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I và II (đối với trường hợp Giấy chứng nhận an toàn sinh học hết hạn; Giấy chứng nhận an toàn sinh học bị hỏng, bị mất; thay đổi tên của cơ sở có phòng xét nghiệm)	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

4.	T-HCM-271417- TT	<p>Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở y tế lần đầu đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng; - Hết thời hạn cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng bị thu hồi; - Thay đổi địa điểm, các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự của cơ sở y tế đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng. 	<p>Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.</p>
----	---------------------	---	---

5.	T-HCM-271418- TT	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn chậm nhất là 60 ngày trước khi giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng hết hiệu lực, cơ sở y tế đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận; - Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng và còn thời hạn từ 60 ngày trở lên; - Thay đổi tên của cơ sở y tế đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng khi giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng còn thời hạn từ 60 ngày trở lên trong trường hợp địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự không thay đổi. 	Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.
6.	T-HCM-271419- TT	Thủ tục Công bố phòng xét nghiệm (không thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm sàng lọc HIV	Nghị định số 75/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện thực hiện xét nghiệm HIV.
7.	T-HCM-271420- TT	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

8.	T-HCM-271421-TT	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, trong trường hợp: - Mất giấy phép hoạt động hoặc có giấy phép hoạt động bị hư hỏng; - Thay đổi địa điểm hoạt động, cơ sở điều trị bị thu hồi giấy phép hoạt động.	Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
9.	T-HCM-271424-TT	Thủ tục thay đổi cơ sở điều trị cho bệnh nhân nghiện chất dạng thuốc phiện	Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
10.	T-HCM-271430-TT	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
11.	T-HCM-271461-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế tàu thuyền chuyển cảng	Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.
12.	T-HCM-271464-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải.	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải” và TTHC “Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa”
13.	T-HCM-271465-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/Giấy chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền.	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải” và TTHC “Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa”

14.	T-HCM-271423-TT	Thủ tục chuyển việc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “ <i>Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng</i> ”
15.	T-HCM-271458-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “ <i>Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt</i> ”
16.	T-HCM-271460-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “ <i>Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người</i> ”
17.	T-HCM-271462-TT	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra y tế tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “ <i>Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải</i> ”
18.	T-HCM-271463-TT	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa	Bãi bỏ do bị thay thế bởi TTHC “ <i>Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa</i> ”

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 455/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 25 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân Quận 8 hết hiệu lực toàn bộ năm 2018****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 8 tại Tờ trình số 01/TTr-TP ngày 17 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 8, hết hiệu lực toàn bộ năm 2018, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Trần Quang Thảo**

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 455/QĐ-UBND ngày 25/01/2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018					
1.	Quyết định	01/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 8	Được thay thế bởi Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND Quận 8	06/9/2018
2.	Quyết định	03/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009	Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND Quận 8	08/9/2018

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2018

1.	Chỉ thị	01/2007/CT-UBND ngày 18/01/2007	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự và công tác động viên năm 2007	Văn bản hết hiệu lực theo Quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản năm 2015	31/12/2007
2.	Chỉ thị	03/2008/CT-UBND ngày 30/01/2008	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, tuyển chọn và huấn luyện kiểm tra sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị năm 2008	Văn bản hết hiệu lực theo Quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản năm 2015	31/12/2008

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng